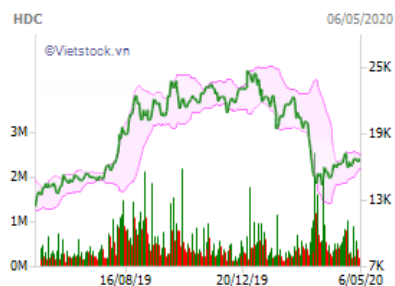


Khuyến nghị	MUA
Giá mục tiêu (VNĐ)	23,445
Giá thị trường	17,500
Lợi nhuận kỳ vọng	33.97%

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,174 – 25,300
Vốn hoá (tỷ đồng)	962,36
SL cổ phiếu lưu hành (cp)	57,283,611
KLGD trung bình 10 phiên (cp)	473,321
Sở hữu nước ngoài	13,46%

Diễn biến giá (1 năm)



Cổ đông lớn (%)

Lucerne Enterprise LTD	7.00%
Trần Minh Chính	6.10%

Tổng quan công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập năm 1990 hoạt động trong lĩnh vực Kinh doanh – Phát triển nhà, Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng các công trình giao thông; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa.

Chuyên viên phân tích

Hòa Ngọc Chiến
+84966022411
chien.hoa@ecsc.com.vn

Vị thế doanh nghiệp

Hodeco là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh địa ốc tại VN, đặc biệt ở sân nhà Vũng Tàu. Hodeco là đơn vị đầu đàn về việc xây dựng & phát triển nhà tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các dự án của Công ty khai thác đa dạng ở nhiều phân đoạn thị trường, từ người có thu nhập thấp đến cao, và khu phức hợp với trung tâm thương mại. Ngoài ra Công ty còn là chủ đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án cơ sở hạ tầng liên quan đến dự án của Công ty.

Doanh thu và lợi nhuận

Trong năm 2019, HDC công bố doanh thu đạt 822,5 tỷ đồng (+15.28% n/n) và LNST đạt 146 tỷ đồng (37.78% n/n). Doanh thu và lợi nhuận năm 2019 tăng so với năm trước nguyên nhân từ việc ghi nhận một phần dự án Fusion Suites Vũng Tàu, dự án Ecotown Phú Mỹ và dự án Tây 3/2 – dự án này có tỷ suất lợi nhuận cao. Bên cạnh đó việc chuyển nhượng tài sản nhà dịch vụ số 03 chung cư 15 tầng TTTM phường 7 Vũng Tàu cũng làm thu nhập khác tăng. Mặt khác kinh doanh bê tông tươi cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm liền trước.

Quý I/2020 HDC ghi nhận khoản lợi nhuận 42,49 tỷ đồng gấp 4.6 lần so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng với 21.45% lợi nhuận mục tiêu cả năm. Như vậy công ty đang cho thấy tín hiệu tương đối tích cực trong khi các ngành nghề về lĩnh vực khác gần như hoạt động kém hiệu quả do tác động từ đại dịch Covid – 19.

Trong dài hạn HDC đang có động lực tăng trưởng rõ rệt khi được sự ủng hộ từ thị trường vĩ mô, các hiệp định kinh tế tự do được ký kết gần đây sẽ tạo tiền đề cho dòng vốn FDI đổ mạnh vào Việt Nam. Tốc độ đô thị hóa nhanh kéo theo nhu cầu xây dựng sẽ tăng cao trong thời gian tới. Theo tổ chức BMI, ngành xây dựng Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng trong giai đoạn tới. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư FDI dồi dào và sự hồi phục của nền kinh tế cũng được kỳ vọng sẽ thúc đẩy việc xây dựng các công trình nhà ở, nhà xưởng và kho bãi trên cả nước. Các yếu tố này đều tác động tích cực đối với bất động sản Việt Nam.

Định giá

Trong năm 2020, chúng tôi dự phóng doanh thu HDC đạt mức 948,22 tỷ đồng (+15.00% n/n) và lợi nhuận sau thuế là 169,6 tỷ đồng, sử dụng kết hợp các phương pháp P/E và EV/EBITDA chúng tôi khuyến nghị Mua cho HDC Bởi vì chúng tôi cho rằng công ty đang có tiềm năng tăng trưởng cùng với mức định giá thấp.

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Đánh giá tình hình tài sản

Cân đối kế toán	<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>Tỷ trọng năm 2018</u>	<u>Tỷ trọng năm 2019</u>	<u>Tăng trưởng 2019/2018</u>
TÀI SẢN					
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1,299,828	1,530,510	79.33%	62.13%	17.75%
Tiền và các khoản tương đương tiền	83,927	53,906	5.12%	2.19%	-35.77%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,194	9,544	0.26%	0.39%	127.56%
Các khoản phải thu ngắn hạn	559,689	529,583	34.16%	21.50%	-5.38%
Hàng tồn kho	650,472	936,718	39.70%	38.03%	44.01%
Tài sản ngắn hạn khác	1,546	759	0.09%	0.03%	-50.91%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	338,618	932,815	20.67%	37.87%	175.48%
Các khoản phải thu dài hạn	23,250	23,250	1.42%	0.94%	0.00%
Tài sản cố định	44,742	560,589	2.73%	22.76%	1152.94%
Bất động sản đầu tư	41,015	44,115	2.50%	1.79%	7.56%
Tài sản dở dang dài hạn	200,114	268,990	12.21%	10.92%	34.42%
Đầu tư tài chính dài hạn	26,329	21,742	1.61%	0.88%	-17.42%
Tài sản dài hạn khác	3,167	14,129	0.19%	0.57%	346.13%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,638,446	2,463,325	100.00%	100.00%	50.35%

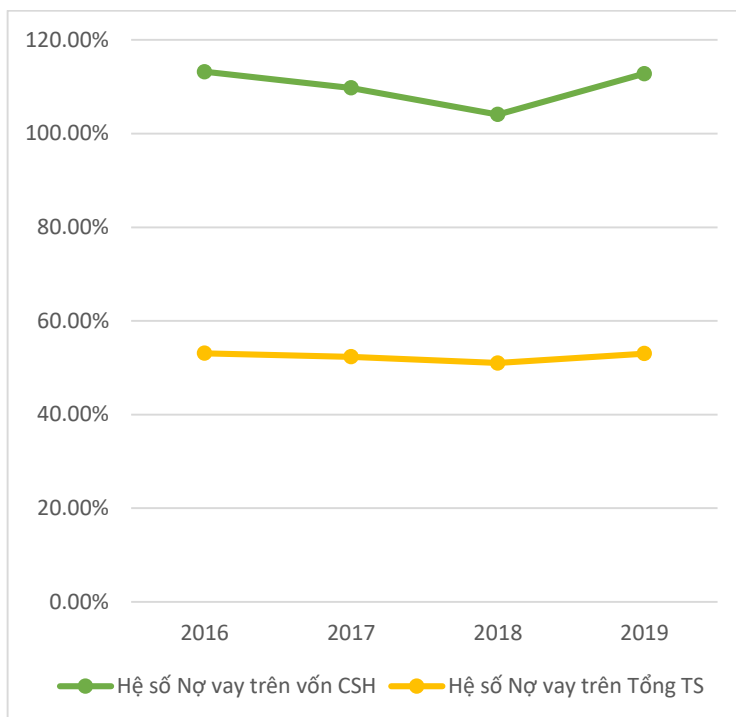
Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty, năm 2019 tài sản ngắn hạn chiếm 62.13% tổng tài sản, 2 khoảng mục lớn nhất của tài sản ngắn hạn chính là Các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho, chiếm tỷ trọng trên tổng tài sản lần lượt là 21,50%, 38,03%. Doanh thu của công ty tăng trưởng 15% nhưng Phải thu khách hàng giảm -5.38 % là dấu hiệu tích cực cho thấy hiệu quả quản lý trong công tác thu hồi nợ của công ty. Tuy nhiên, cùng với mức tăng doanh thu đó hàng tồn kho lại tăng mạnh lên đến 44%, đây được cho là rủi ro tiềm tàng đối với công ty khi có nợ vay lớn, nếu tồn kho cao sẽ khiến chi phí lãi vay làm thâm hụt lợi nhuận kinh doanh trong kỳ.

Tài sản dài hạn chiếm hơn 1/3 tổng tài sản, trong đó Tài sản cố định là khoản mục có giá trị lớn nhất ở mức 22,76% tổng tài sản. Trong năm công ty có thực hiện hợp nhất kinh doanh khiến công ty ghi nhận tài sản cố định vô hình tăng mạnh cụ thể là quyền sử dụng đất tăng tới 335 tỷ đồng. Điều này đã khiến tài sản cố định tăng trưởng nhanh và góp phần lớn trong việc gia tăng 50% tổng tài sản. Khoản mục lớn thứ 2 trong tài sản dài hạn là tài sản dở dang dài hạn chủ yếu là các dự án công ty đang xây dựng.

Cơ cấu vốn

Nợ vay của công ty tương đối cao, luôn vay nợ trên 100% vốn chủ sở hữu. Nhìn chung sử dụng nợ vay sẽ đem lại khoản lợi nhuận lớn cho công ty trong giai đoạn tăng trưởng mạnh, cùng với đó công ty hoạt động chính trong lĩnh vực bất động sản tại Vũng Tàu – đây cũng là nơi đang xảy ra hiện tượng sốt đất trong thời gian gần đây vì vậy chúng tôi cho rằng với việc sử dụng nợ vay như vậy công ty đang quản có mục tiêu kinh doanh phù hợp với thị trường.

Xu hướng vay nợ của HDC gần như không thay đổi trong 4 năm trở lại đây, cùng với kết quả hoạt động kinh doanh tốt công ty đang giữ vững được cấu trúc tài chính của mình.



(triệu đồng)	2016	2017	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	1,313,658	1,385,954	1,299,828	1,530,510
Nợ ngắn hạn	424,676	414,481	533,926	820,320
NWC	888,982	971,473	765,902	710,190

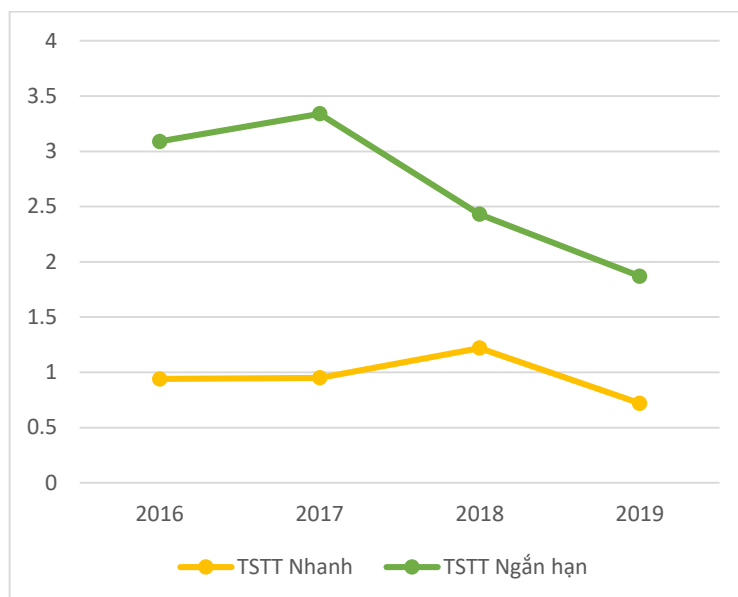
Dòng vốn lưu động luôn dương và lớn hơn nhiều so với nợ ngắn hạn cho thấy rủi ro thanh toán của công ty là khá thấp, tuy vay nợ cao nhưng tài sản ngắn hạn luôn đảm bảo được các khoản nợ sắp đến hạn trả. Điều này sẽ giúp cho ban lãnh đạo tiếp tục duy trì trạng thái hoạt động tốt ngay cả khi có rủi ro thị trường xảy đến.

Nhìn chung với những công ty có dòng vốn lưu động ổn định, bảo đảm được nợ vay và sử dụng đòn bẩy tài chính cao đều đang có mục tiêu tận dụng sự phát triển của thị trường nhằm đem lại lợi nhuận tốt nhất cho mình, HDC cũng vậy. Chúng tôi cho rằng rủi ro tài chính của công ty là thấp.

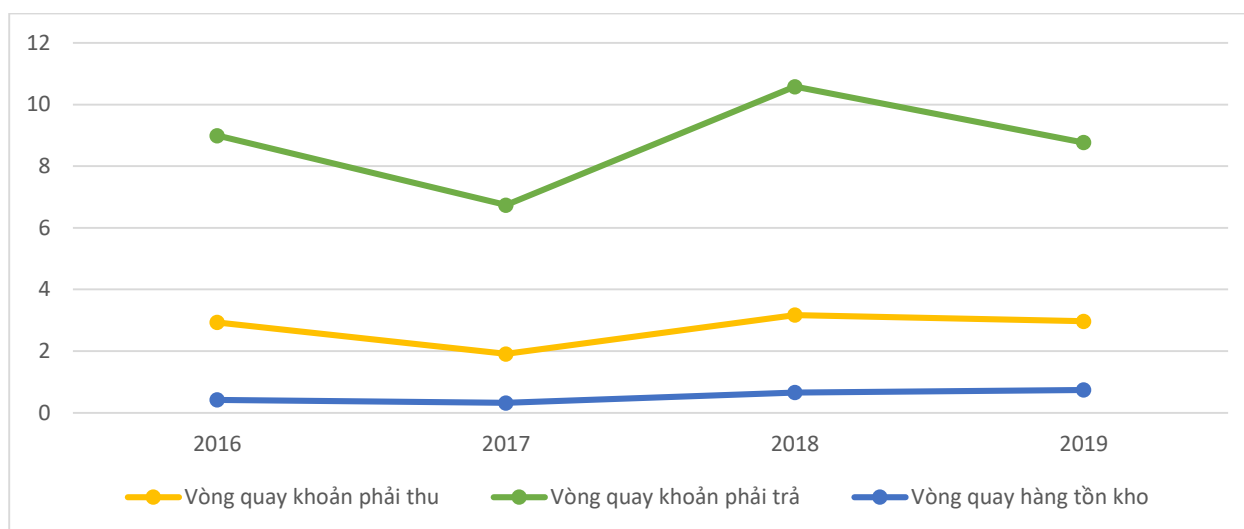
Khả năng thanh toán

Tuy nợ vay tương đối cao nhưng công ty lại có tình hình tài chính tốt, nợ vay luôn được đảm bảo bằng nguồn tài sản nhất định. Hệ số thanh toán nhanh của công ty trong năm 2019 là 0.72 lần như vậy công ty có thể hoàn trả nợ ngắn hạn trong kỳ.

Cả 2 hệ số thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn của công ty luôn dững ở mức ổn định trong giai đoạn trên và quanh mức 1. Công ty luôn giữ vững cấu trúc tài chính của mình và đảm bảo được nguồn trả nợ.



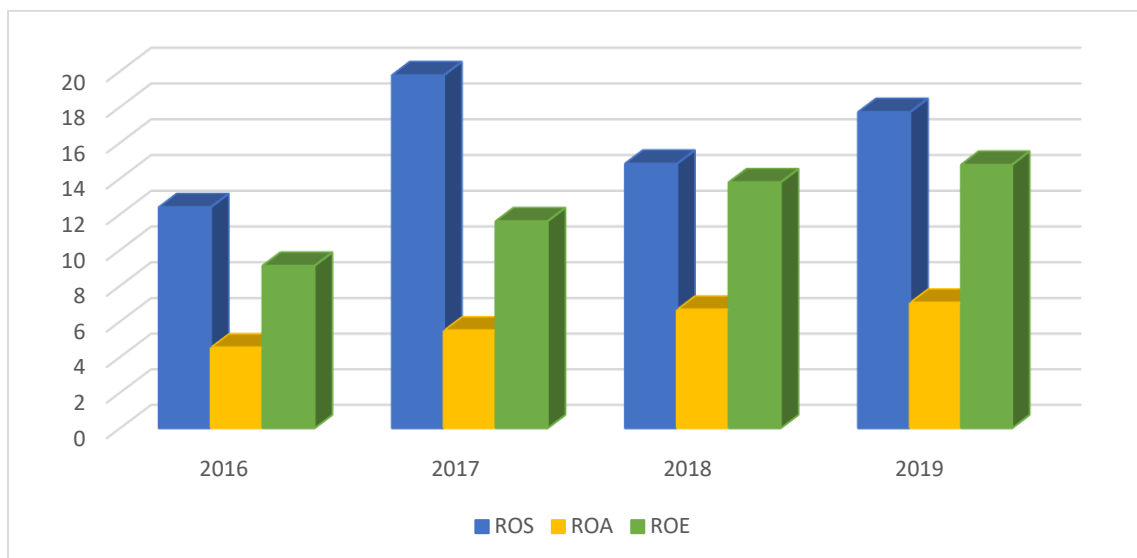
Năng lực hoạt động



Vòng quay khoản phải thu của công ty tăng nhẹ trong giai đoạn kể trên dần cho thấy dấu hiệu tích cực từ việc thu hồi nợ của công ty, thời gian thu hồi nợ đang dần giảm đi. Từ năm 2016 vòng quay khoản phải thu là 1.91 lần đến năm 2019 tỷ lệ này tăng nhẹ lên còn 2.97 lần trong năm.

Vòng quay hàng tồn kho biến động hẹp hơn và gần như không đổi trong cả giai đoạn, công ty hiện vẫn giữ được tỷ lệ này trong khi tổng tài sản đã tăng cao cũng là điều tích cực, khi lượng hàng vẫn bán được cùng tỷ lệ với trước đây, công ty sẽ mang lại doanh thu cao hơn.

Khả năng sinh lời



Tỷ lệ lãi trên doanh thu (ROS) của công ty tương đối cao, đạt mức 17.71% tại năm 2019, trong cả giai đoạn ROS của HDC có xu hướng tăng khi đạt mức 12.39% lần vào đầu giai đoạn trên. Như vậy công ty đnag hoạt động tương đối hiệu quả trong lĩnh vực và địa bàn kinh doanh của mình, và đem lại hiệu suất tương đối cao.

ROA của công ty ở mức trung bình trong giai đoạn kể trên với tỷ lệ đạt 4.53% trong năm 2016 và tăng nhẹ, đạt mức 7.05% trong năm 2019. Đối với ROE công ty có mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ở mức cao so với mức trung bình toàn thị trường, con số này là 14.76% cho năm 2019. Tăng qua từng năm, ROE của công ty có xu hướng cùng chiều với ROA, bởi công ty chỉ sử dụng tỷ lệ nợ vay trên Tổng TS tương đối cao vì vậy khi công ty hoạt động hiệu quả tỷ lệ này sẽ tăng mạnh trong tương lai.

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

<u>Kết quả kinh doanh</u>	<u>2017</u>	<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>2020F</u>	<u>2021F</u>
<u>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>	410,121	715,260	824,544	948,226	1,099,942
<u>Giá vốn hàng bán</u>	302,930	539,050	585,553	673,240	780,959
<u>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>	107,191	176,211	238,991	274,985	318,983
<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>	42,233	8,169	7,244	6,000	8,000
<u>Chi phí tài chính</u>	16,860	17,905	18,146	19,961	21,957
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	18,247	17,905	16,738	19,961	21,957
<u>Phản lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</u>	279	212	(757)	200	200
<u>Chi phí bán hàng</u>	5,377	13,189	14,441	14,223	16,499
<u>Chi phí quản lý doanh nghiệp</u>	30,707	33,495	34,597	37,929	43,998
<u>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</u>	96,759	120,003	178,294	209,072	244,730
<u>Thu nhập khác</u>	984	10,966	7,237	5,000	5,000
<u>Chi phí khác</u>	1,617	267	1,849	2,000	2,000
<u>Lợi nhuận khác</u>	(633)	10,700	5,387	3,000	3,000
<u>Phản lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết liên doanh</u>	-	-	-	-	-
<u>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</u>	96,125	130,703	183,681	212,072	247,730
<u>Chi phí thuế TNDN hiện hành</u>	15,059	24,730	37,676	42,414	49,546
<u>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</u>	-	-	-	-	-
<u>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</u>	81,066	105,973	146,005	169,658	198,184
<u>Lợi ích của cổ đông thiểu số</u>	787	1,329	1,322	1,454	1,600
<u>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ</u>	80,279	104,644	144,683	168,204	196,584
<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) (VNĐ)</u>	1,857	2,203	2,656	2,936	3,432
<u>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</u>	-	-	-	-	-

<u>Cân đối kế toán</u>	<u>2017</u>	<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>2020F</u>	<u>2021F</u>
<u>TÀI SẢN</u>					
<u>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</u>	1,385,954	1,299,828	1,530,510	1,630,192	1,649,290
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	93,365	83,927	53,906	79,268	66,749
<u>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	4,194	4,194	9,544	10,308	11,132
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	295,362	559,689	529,583	556,062	567,183
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	991,584	650,472	936,718	983,554	1,003,225
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	1,449	1,546	759	1,000	1,000
<u>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</u>	115,861	338,618	932,815	956,300	929,423
<u>I. Các khoản phải thu dài hạn</u>	-	23,250	23,250	23,250	-
<u>II. Tài sản cố định</u>	45,139	44,742	560,589	571,801	583,237
<u>III. Bất động sản đầu tư</u>	42,066	41,015	44,115	45,438	46,802
<u>IV. Tài sản dở dang dài hạn</u>	-	200,114	268,990	282,440	268,318
<u>V. Đầu tư tài chính dài hạn</u>	24,438	26,329	21,742	20,655	19,622
<u>VI. Tài sản dài hạn khác</u>	4,219	3,167	14,129	12,716	11,444
<u>VII. Lợi thế thương mại</u>	-	-	-	-	-
<u>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</u>	1,501,815	1,638,446	2,463,325	2,586,491	2,578,712
<u>NGUỒN VỐN</u>					
<u>A. NỢ PHẢI TRẢ</u>	785,794	835,654	1,305,748	1,371,035	1,302,484
<u>I. Nợ ngắn hạn</u>	414,481	533,926	820,320	861,336	818,269
<u>II. Nợ dài hạn</u>	371,313	301,728	485,428	509,699	484,214
<u>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</u>	716,022	802,792	1,157,577	1,215,456	1,276,229
<u>I. Vốn chủ sở hữu</u>	716,022	802,792	1,157,577	1,215,456	1,276,229
<u>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</u>	-	-	-	-	-
<u>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</u>	-	-	-	-	-
<u>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</u>	1,501,815	1,638,446	2,463,325	2,586,491	2,578,712

<u>Dòng tiền</u>	<u>2017</u>	<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>2020F</u>	<u>2021F</u>
<u>EBITDA</u>	120,281	154,865	207,102	239,156	277,418
<u>Lãi/ lỗ từ đầu tư</u>	(7,006)	(18,766)	(12,433)	(13,676)	(15,044)
<u>Tăng/ giảm vốn lưu động</u>	57,240	(298,699)	(51,827)	(68,466)	(100,600)
<u>Tăng/giảm các khoản dự phòng</u>	490	3,377	(5,837)	(6,012)	(6,192)
<u>Chi/ thu bằng các khoản tiền khác</u>	-	-	-	-	-
<u>Dòng tiền hoạt động khác</u>	(6,122)	(9,778)	(12,374)	(12,745)	(13,128)
<u>Chi phí lãi vay/ Thu nhập lãi tiền gửi</u>	(18,247)	(17,905)	(16,738)	(17,240)	(17,757)
<u>Thuế đã trả</u>	(11,727)	(11,649)	(26,124)	(26,908)	(27,715)
<u>Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh</u>	134,909	(198,555)	81,769	94,108	96,982
<u>Tiền chi mua sắm tài sản cố định</u>	(15,832)	(5,974)	(11,099)	(11,212)	(11,436)
<u>Tiền thu do thanh lý TSCĐ, các khoản đầu tư</u>	102,022	115,611	13,068	14,375	15,812
<u>Tiền chi đầu tư góp vốn</u>	(180,409)	5,136	(419,410)	(100,000)	5,136
<u>Tiền khác từ hoạt động đầu tư</u>	-	-	-	-	-
<u>Dòng tiền từ hoạt động đầu tư</u>	(94,219)	114,773	(417,441)	(96,837)	9,512
<u>Tiền vay nhân được/ (đã trả)</u>	44,850	82,971	306,539	65,287	(68,552)
<u>Tiền thu từ phát hành, nhận góp vốn</u>	24,655	-	-	-	-
<u>Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành</u>	-	(7,986)	(8)	-	-
<u>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu</u>	(44,423)	(640)	(880)	(924)	(924)
<u>Tiền khác từ hoạt động tài chính</u>	-	-	-	-	-
<u>Dòng tiền từ hoạt động tài chính</u>	25,082	74,345	305,651	64,363	(69,476)
<u>Dòng tiền lưu chuyển thuần trong năm</u>	65,772	(9,437)	(30,021)	61,635	37,019
<u>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</u>	27,591	93,363	83,926	53,905	115,540
<u>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</u>	-	-	-	-	-
<u>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</u>	93,363	83,926	53,905	115,540	152,559

PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

<u>Định giá theo P/E</u>	<u>2017</u>	<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>2020F</u>	<u>2021F</u>
<u>P/E</u>	6.90	5.58	8.68	8.00	8.00
<u>EPS</u>	1,857.00	2,203.00	2,656.00	2,936.33	3,431.77
<u>Giá thị trường dự kiến</u>	12,810.00	12,300.00	23,050.00	23,490.66	27,454.15

<u>Định giá theo EV/EBITDA</u>	<u>2017</u>	<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>2020F</u>	<u>2021F</u>
<u>EV/EBITDA (lần)</u>	10.35	8.62	12.10	11.00	11.00
<u>EBITDA (triệu)</u>	120,281.00	154,865.00	207,102.00	239,155.83	277,418.47
<u>EV (triệu)</u>	1,245,424.44	1,334,656.37	2,506,146.19	2,630,714.10	3,051,603.14
<u>Nợ vay (triệu)</u>	785,794.00	835,654.00	1,305,748.00	1,371,035.40	1,302,483.63
<u>Lợi ích cổ đông thiểu số (triệu)</u>	787.00	1,329.00	1,322.00	1,454.20	1,599.62
<u>Giá trị thị trường cổ phiếu ưu đãi (triệu)</u>	-	-	-	-	-
<u>Tiền và tương đương tiền (triệu)</u>	93,365.00	83,927.00	53,906.00	79,267.95	66,749.21
<u>Vốn hóa thị trường (triệu)</u>	553,782.44	584,258.37	1,255,626.19	1,340,400.85	1,817,468.34
<u>Cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)</u>	43,230,479.27	47,500,680.89	54,474,021.08	57,283,611.00	57,283,611.00
<u>Giá thị trường (đồng)</u>	12,810.00	12,300.00	23,050.00	23,399.38	31,727.54

				<u>2020F</u>	<u>2021F</u>
<u>P/E (50%)</u>				11,745	13,727
<u>EV/EBITDA (50%)</u>				11,700	15,864
<u>Giá trị hợp lý</u>				23,445	29,591

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình hoạt động của doanh nghiệp cũng như diễn biến thị trường của cổ phiếu của doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của ECC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital

Tầng 5 – Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng – Số 23, Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: +84 39 3218 1895

Website: www.ecsc.vn